

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2021/HS-ST**.
Ngày 24/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG.**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình
2. Bà Lý Thị Nhân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị
Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên
Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2021/TLST-
HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
111/2021/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu H**, sinh ngày 19/5/1976;
Địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12;
Nghề nghiệp: Nhân viên Văn phòng Công ty Điện lực Tuyên Quang; Chức vụ, đoàn thể,
đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đang sinh hoạt đảng tại
Chi bộ 1, Văn phòng trực thuộc Đảng bộ Công ty Điện lực Tuyên Quang. Ngày
13/9/2021 Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh
Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 10-QĐ/UBNDTĐUK, đình chỉ sinh hoạt Đảng
đối với Nguyễn Thị Thu H; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1942 và bà Lục Thị N,
sinh năm 1952; anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ hai; chồng Chu Minh S, sinh
năm 1969; con 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ
dân phố 6, phường P, thành phố T.

2. Họ và tên: **Hoàng Thị Kim D**, sinh ngày 30/12/1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Văn phòng Công ty Điện lực Tuyên Quang; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đang sinh hoạt đảng tại Chi bộ 1, Văn phòng trực thuộc Đảng bộ Công ty Điện lực Tuyên Quang. Ngày 13/9/2021 Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 09-QĐ/UBKTĐUK đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Hoàng Thị Kim D; con ông Hoàng Minh K (đã chết) và Bùi Thoa T, sinh năm 1956; anh, chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ hai; chồng Nguyễn Chí T, sinh năm 1970; con: 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/11/2017, Công an phường H, thành phố T ra Quyết định số 97/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây mất trật tự khu dân cư, hình thức phạt cảnh cáo.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Tổ dân phố 10, phường H, thành phố T.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

**Người bị hại:* Công ty Điện lực Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Huy T; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng V; chức vụ: Trưởng phòng Thanh tra bảo vệ và Pháp chế.

Địa chỉ: Số 431, đường 17/8, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt tại phiên tòa)

** Những người làm chứng:*

- Bà Vũ Thị Minh N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Phạm Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Tân Thắng, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Chu Hồng K, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Phan Tiến T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Nguyễn Duy H; địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Lê Mạnh C; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường Nông Tiến, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà N, ông D vắng mặt tại phiên tòa; ông K, ông T, ông H, ông H, ông C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/8/2000, Công ty Điện lực Tuyên Quang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn đối với Nguyễn Thị Thu H, trú tại: Tổ dân phố 06, phường P, thành phố T đến làm việc tại Chi nhánh điện huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 28/6/2010, Công ty tuyển dụng lao động đối với Hoàng Thị Kim D, trú tại: Tổ dân phố 10, phường H, thành phố T làm việc tại Văn phòng Công ty Điện lực Tuyên Quang. Ngày 26/7/2006, H được điều động, luân chuyển về làm văn thư tại Phòng Hành chính quản trị - Điện lực Tuyên Quang.

Ngày 02/3/2020, H và D được Văn phòng Công ty Điện lực Tuyên Quang phân công về làm việc tại kho lưu trữ Công ty Điện lực Tuyên Quang, địa chỉ tại số 19, ngõ 36, đường Tân Hà, Tổ dân phố 04, phường M, thành phố T. Nhiệm vụ cụ thể được ghi trong văn bản phân công nhiệm vụ đối với H: “Nguyễn Thị Thu H là nhóm trưởng của bộ phận lưu trữ, làm việc tại kho lưu trữ của Công ty. Bộ phận này gồm hai người, Nguyễn Thị Thu H và Hoàng Thị Kim D. Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm hàng ngày phân công giao việc của bộ phận lưu trữ hợp lý, hiệu quả, trực tiếp thực hiện công tác chỉnh lý hồ sơ, hướng dẫn Hoàng Thị Kim D sắp xếp các bước trong công tác lưu trữ, tổ chức bảo quản hồ sơ theo đúng quy định của luật lưu trữ và của ngành. Thực hiện công tác lưu trữ, quản lý, khai thác kho lưu trữ của Công ty; tiếp nhận hồ sơ từ các đơn vị về kho; tham mưu cho Chánh văn phòng thành lập hội đồng tiêu hủy tài liệu trùng thừa...”.

Nhiệm vụ đối với D: “Hoàng Thị Kim D nhận và thực hiện nhiệm vụ do Nguyễn Thị Thu H phân công, sắp xếp tài liệu, quản lý, khai thác kho lưu trữ theo quy định của pháp luật và của PCTQ (Công ty Điện lực Tuyên Quang), kiểm tra, tiếp nhận bảo quản hồ sơ từ các đơn vị về kho của EVN (Tập đoàn điện lực Việt Nam), NPC (Tổng công ty Điện lực Miền Bắc), PCTQ đã ban hành...”.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ tại kho lưu trữ của Công ty, thấy tài sản của công ty để ở kho có 14 chiếc tủ sắt đựng hồ sơ, tài liệu, màu ghi xám đã cũ (cùng kích thước 184cm x 100cm x 50cm) nên H và D nảy sinh ý định chiếm đoạt, thống nhất bán lấy tiền chi tiêu nên H, D gọi cho người chuyên thu mua phế liệu là bà Vũ Thị Minh N, trú tại tổ dân phố 6, phường T, thành phố T đến kho để mua, cụ thể:

Ngày 25/8/2020, ngày 03/9/2020, H bảo D gọi cho Bà N đến kho bán 09 chiếc tủ sắt, Bà N thỏa thuận mua 300.000 đồng/01 chiếc, Bà N trả cho Hà tổng số 2.700.000 đồng, Hà chia cho Dung 1.350.000 đồng. Số tiền trên H, D chi tiêu cá nhân hết. Việc đến kho lưu trữ của Công ty Điện lực Tuyên Quang mua tủ sắt của H, D, Bà N thuê ông Phạm Văn D, trú tại thôn Tân Thắng, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vận chuyển.

Đối với 05 chiếc tủ sắt còn lại, H mang về nhà 02 chiếc, D mang về nhà 01 chiếc để sử dụng, H và D cho ông Nguyễn Duy H, trú tại tổ dân phố 14, phường M (là thủ kho Công ty điện lực Tuyên Quang) và ông Lê Mạnh C, trú tại tổ dân phố 9, phường Nông Tiến, thành phố T (là nhân viên bảo vệ Công ty điện lực Tuyên Quang) mỗi người 01 chiếc để sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 82/KLĐG ngày 06/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận 14 chiếc tủ sắt kích thước 184cmx100cmx50cm đã cũ có giá trị 310.000 đồng/chiếc. Tổng giá trị của 14 chiếc tủ là 4.340.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Ngày 06/11/2020, Cơ quan điều tra tạm giữ 08 chiếc tủ do H, D giao nộp để tại kho lưu trữ của Công ty Điện lực; Ngày 30/12/2020 tạm giữ 04 chiếc tủ do bà Vũ Thị Minh N giao nộp.

Ngày 23/6/2021, Cơ quan điều tra trả lại 12 chiếc tủ cho Công ty Điện lực Tuyên Quang do ông Lê Hồng V - Trưởng phòng Thanh tra bảo vệ và pháp chế làm đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Công ty Điện lực Tuyên Quang nhận.

Ngày 06/7/2021, bị cáo H, D tự nguyện nộp lại cho Công ty Điện lực Tuyên Quang số tiền 620.000 đồng, tương đương giá trị 02 chiếc tủ không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số 111/CT-VKSTP, ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Kim D về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội Tham ô tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kim D 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm 06 tháng đến 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải, ý thức sâu sắc về hành vi phạm tội của mình và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bị hại, Công ty Điện lực Tuyên Quang giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại giai đoạn điều tra, xác nhận đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu các

bị cáo bồi thường thêm gì. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của các bị cáo, thành tích và công sức các bị cáo đã cống hiến trong quá trình công tác tại Công ty để xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ được, lời khai của người bị hại, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2020, Nguyễn Thị Thu H, trú tại tổ dân phố 06, phường P, thành phố T và Hoàng Thị Kim D, trú tại tổ dân phố 10, phường H, thành phố T là hai nhân viên văn phòng quản lý kho lưu trữ Công ty Điện lực Tuyên Quang, địa chỉ tại số 19, ngõ 36, đường Tân Hà, tổ dân phố 04, phường M, thành phố T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao chiếm đoạt tài sản của Công ty Điện lực Tuyên Quang giao cho các bị cáo quản lý gồm 14 chiếc tủ, loại tủ sắt đựng hồ sơ, tài liệu, màu ghi xám đã cũ (cùng kích thước 184cm x 100cm x 50cm) có trị giá 310.000 đồng/ 01 chiếc, tổng số tài sản bị chiếm đoạt là 14 chiếc tủ sắt trị giá 4.340.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*). Hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty Điện lực Tuyên Quang, mà các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Tham ô tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến tài sản của Nhà nước, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân về tư cách đạo đức của Đảng viên và cán bộ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, có trình độ học vấn, hoàn toàn nhận thức được hành vi tự ý sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức vào mục đích cá nhân là trái với các quy định của pháp luật. Mặc dù các tài sản đó gần như không sử dụng đến nhưng là tài sản của Nhà nước, phải tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; các bị cáo buộc phải biết việc tự ý chiếm đoạt tài sản công vì mục đích tư lợi cá nhân trong bất kỳ trường hợp nào đều là hành vi trái pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng mức

hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nhận thức sâu sắc về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện; các tài sản đã được thu hồi, đối với các tài sản không thu hồi được các bị cáo đã có ý thức bồi thường tự nguyện khắc phục hậu quả; người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H là người có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác (Năm 2012 được Bộ trưởng Bộ Công thương tặng Bằng khen, năm 2013 được Tập đoàn Điện lực Việt Nam tặng Bằng khen), đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng riêng đối với bị cáo Hà.

Trong vụ án các bị cáo cùng nhau thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, cùng hưởng lợi nên vụ án thuộc trường hợp phạm tội đồng phạm, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, chỉ là đồng phạm mang tính chất giản đơn, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt phần thì tư lợi cá nhân cho chính các bị cáo, phần mang cho người khác nên thấy rằng chủ quan các bị cáo không ý thức hết được mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án, bị cáo Hà là người được giao nhiệm vụ là trưởng nhóm, mọi công việc của kho lưu trữ đều phải có sự chỉ đạo của bị cáo Hà, bị cáo Hà cũng là người chịu trách nhiệm chính với Công ty về các công việc của kho lưu trữ. Bị cáo Dung là người thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, hướng dẫn của bị cáo Hà. Vì vậy, vai trò của bị cáo Hà trong vụ án cao hơn bị cáo Dung.

Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, quá trình công tác không vi phạm kỷ luật, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương. Để các bị cáo có động lực và ý thức tích cực rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo Dung, đang nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi, việc cho bị cáo Dung hưởng án treo là xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo và những quan tâm riêng của Nhà nước và xã hội trong lĩnh vực chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội không hoàn toàn vì mục đích tư lợi cá nhân, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về phân trách nhiệm dân sự: Phần lớn tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, đối với phần tài sản không thu hồi được các bị cáo đã tự nguyện bồi thường; Công ty Điện lực Tuyên Quang không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét phần bồi thường dân sự đối với các bị cáo.

[7] Đối với bà Vũ Thị Minh N là người thu mua 09 tủ sắt và ông Phạm Văn D là người được Bà N thuê vận chuyển nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với ông Nguyễn Duy H là thủ kho Công ty điện lực Tuyên Quang và ông Lê Mạnh C là nhân viên bảo vệ Công ty điện lực Tuyên Quang được H và D cho mỗi người 01 chiếc tủ sắt nhưng ông H, ông C không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với cả 02 bị cáo; áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu Hà.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Kim D phạm tội *Tham ô tài sản*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H **01 (Một)** năm **09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/9/2021.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị Kim D **01 (Một)** năm **09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/9/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; bị cáo Hoàng Thị Kim D cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

(Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật thi hành án hình sự)

2. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Kim D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- Công an tp.Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp.Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường P;
- UBND phường H;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hữu Bình – Lý Thị Nhân

Lương Thanh Huyền

